

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HSPT

Ngày: 18 - 5 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

1/ Ông **Lê Thành Tân**

2/ Bà **Huỳnh Thị Kiều Duyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông **Phạm Văn Tâm** – Kiểm sát viên

ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2022/HSPT ngày 04/4/2022 đối với bị cáo Dương Văn B. Do có kháng cáo của bị cáo Dương Văn B và bị hại Lưu Kim O đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2022/HSST ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo **Dương Văn B**, sinh năm 1987; tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp 6B, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H (chết) và bà Cao Thị M; vợ Lê Thị L và có 01 người con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo là: ông Nguyễn Quang D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. “có mặt”

Bị hại: Lưu Kim O, sinh năm 1953 “có mặt”

Nơi cư trú: ấp M3, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 12 năm 2018, Dương Văn B biết được thông tin vợ chồng ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thủy L (tên thường gọi: H) có nợ tiền hụi đối với bà Lưu Kim O và ông H, bà L thường xuyên không có mặt tại địa phương nên B đến gặp bà O để tự bịa đặt ra thông tin gian dối là B có thỏa thuận mua đất của ông H, bà L nhưng chưa có tiền đặt cọc. B hỏi mượn tiền của bà O để đặt cọc mua đất và hứa khi B trả tiền mua đất cho ông H, bà L thì sẽ cho bà O biết để bà O đến nhận tiền hụi và B sẽ trả lại số tiền đã mượn của bà O.

Để cho bà O thật sự tin tưởng và giao tiền, B đi đến thành phố V thuê một người không rõ họ, tên, địa chỉ để đánh máy tờ biên nhận đề ngày 12/12/2018 và giả chữ ký của ông H với nội dung Lê Hữu H có nhận của Dương Văn B số tiền 10.000.000 đồng đặt cọc mua đất. Sau đó, B tiếp tục nhờ Lê Văn T (tên thường gọi: M), sinh năm 1979, ngụ ấp 6B, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (đã chết vào tháng 7/2021) viết dùm tờ giao kèo mua bán đất với nội dung Lê Hữu H cùng vợ Nguyễn Thị H (B không biết chính xác tên của vợ ông H và nhờ M ký giả chữ ký bên bán) đồng ý chuyển nhượng cho Dương Văn B diện tích đất 10 mét bề ngang cặp lộ, chiều dài từ lộ xuống tới mé sông rồi đưa tờ biên nhận và tờ giao kèo cho bà O giữ. Bà O tin tưởng những thông tin và giấy tờ B đưa là thật nên đồng ý đưa cho B số tiền 10.000.000 đồng. Đến tháng 02/2019 (không xác định ngày), B tiếp tục yêu cầu bà O đưa cho B số tiền 20.000.000 đồng và hứa đến tháng 3/2019 B sẽ trả tiền đất cho ông H và B sẽ trả lại đủ số tiền 30.000.000 đồng cho bà O.

Đến tháng 3/2019, do B không có tiền để trả lại cho bà O nên bà O đến gặp ông H thì được biết giữa vợ chồng ông H, bà L không có thỏa thuận bán đất cho Dương Văn B. Sau nhiều lần đòi lại tiền nhưng B không có khả năng để trả nên ngày 16/10/2021 bà O đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tố giác hành vi của Dương Văn B và giao nộp các tài liệu gồm:

- Biên nhận tiền đặt cọc mua đất số tiền 10.000.000 đồng đề ngày 12/12/2018 giữa Lê Hữu H và Dương Văn B.
- Tờ giao kèo mua bán giữa Lê Hữu H, Nguyễn Thị H và Dương Văn B.
- Giấy biên nhận số tiền 20.000.000 đồng giữa Lê Hữu H và Dương Văn B.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 30/12/2021 bị hại Lưu Kim O đã nhận số tiền 2.000.000 đồng do Dương Văn B bồi thường, bà O yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 28.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số: 13/2022/HSST ngày 28/02/2022 của Toà án nhân dân huyện T đã quyết định tuyên bố bị cáo Dương Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn B 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/3/2022, bị cáo Dương Văn B có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 15/3/2022, bị hại Lưu Kim O có đơn kháng cáo với nội dung: xin cho bị cáo B được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc mẹ già, vợ và con mắc bệnh tâm thần. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo quá đơn chiết, khó khăn xin hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị hại Lưu Kim O trình bày: Do hiện tại gia cảnh bị cáo B gặp khó khăn phải nuôi vợ bị bệnh. Bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo để lo cho vợ, con.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn B 01 (Một) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo B không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại không phải nộp án phí phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo để xét xử bị cáo 1 năm tù nhưng xin hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Dương Văn B và bị hại Lưu Kim O đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, cùng những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập và thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Dương Văn B phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bản thân bị cáo là thanh niên, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng bị cáo vì mục đích vụ lợi cho bản thân mà có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của bị cáo, nhằm giáo dục riêng bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức án đối với bị cáo là không nặng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên xét thấy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo và bị hại là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận nhưng xin cho bị cáo hưởng án treo là chưa đủ cơ sở để chấp nhận như đã nhận định trên.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Văn B và bị hại Lưu Kim O. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 13/2022/HSST ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Dương Văn B 01 (một) năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt hoặc từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Văn B và bị hại Lưu Kim O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND HT: 02;
- CQTHADS HT: 01;
- CQTHAHS HT: 01;
- Trại giam: 01; BC: 01;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã L: 01;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Năm